

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 564 /SYT-NVY

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 03 năm 2016

V/v báo cáo thực hiện công tác
vệ sinh môi trường

Kính gửi: Trung tâm Y tế Dự phòng

Thực hiện công văn số 237/MT-SKCD ngày 16 tháng 3 năm 2016 về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác vệ sinh môi trường và công tác kiểm tra giám sát chất lượng nước ăn uống và nước sinh hoạt giai đoạn 2012-2015 (*bản sao đính kèm*), Sở Y tế giao Trung tâm Y tế Dự phòng làm đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện công tác vệ sinh môi trường và công tác kiểm tra giám sát chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt giai đoạn 2012-2015 trên địa bàn tỉnh.

Báo cáo bằng văn bản gửi về Cục Quản lý môi trường y tế và Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ Y) trước ngày 30/3/2016 đồng thời gửi file điện tử qua địa chỉ email: phamquangskcd@gmail.com để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTYT huyện, TX, TP (để phối hợp);
- TTTT-GDSK (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NVY.

K/ **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lâm Quang Chứng

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ
MÔI TRƯỜNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 237 /MT-SKCD

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

V/v báo cáo thực hiện công tác

SỞ Y TẾ TỈNH KH... vệ sinh môi trường

Số: 2709
Ngày: 17/3/16
Chuyên:

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Y tế chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết công tác vệ sinh môi trường giai đoạn 2012 - 2015, Cục Quản lý môi trường y tế kính đề nghị Quý Sở chỉ đạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, thành phố làm đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện công tác vệ sinh môi trường và công tác kiểm tra giám sát chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt giai đoạn 2012 - 2015 (mẫu báo cáo gửi kèm theo).

Báo cáo bằng văn bản kính đề nghị Quý Sở gửi về Cục Quản lý môi trường y tế trước ngày **30/3/2016** theo địa chỉ: Phòng Sức khỏe môi trường cộng đồng, Cục Quản lý môi trường y tế, Ngõ 135, Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội và đồng thời gửi file điện tử qua địa chỉ email: phamquangskcd@gmail.com. Thông tin chi tiết liên hệ với Ths. Phạm Hồng Quang, điện thoại: 0912595789.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các Viện: SKNN&MT, YTCC Hồ Chí Minh, Pasteur Nha Trang, VSDT Tây Nguyên (để phối hợp);
- TTYTDP các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, SKCD.



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên Hương



....., ngày tháng năm 2016

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

A. THÔNG TIN CHUNG (số liệu cập nhật)

- Dân số toàn tỉnh:..... người, trong đó dân số nông thôn: người.
- Tổng số hộ gia đình:hộ, trong đó hộ gia đình nông thôn:.....hộ
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh:%
- Tổng số.....huyện/.....Thị xã/.....TP.
- Tổng số.....xã/.....phường/.....thị trấn.
- Tổng số.....thôn/bản/ấp.
- Tổng số xã thuộc Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới: xã

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

I. Các chính sách và văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh liên quan đến vệ sinh nhà tiêu và kiểm tra giám sát chất lượng nước

.....
.....
.....
.....
.....
.....

II. Nâng cao năng lực về vệ sinh và giám sát chất lượng nước:

2.1. Các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực

Năm	Nội dung	Số lớp	Số người tham dự	Đối tượng
2012				
2013				
2014				
2015				

2.2. Các tài liệu tập huấn nâng cao năng lực đã được xây dựng giai đoạn 2012 - 2015

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Các nội dung về truyền thông vệ sinh và giám sát chất lượng nước

3.1. Các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông từ năm 2012 - 2015

Năm	Tên hoạt động	Số lần	Số người tham dự	Đối tượng
2012				
2013				
2014				
2015				

3.2. Các tài liệu truyền thông về vệ sinh và giám sát chất lượng nước được xây dựng:

.....

.....

.....

3.3. Các mô hình truyền thông được triển khai thực hiện:

STT	Mô hình truyền thông	Đã thực hiện		Chưa thực hiện
		Do TTYTDP thực hiện	Do các tổ chức khác thực hiện (nêu tên)	
1	Kỹ năng truyền thông GDSK			
2	Kỹ thuật xây dựng nhà tiêu HVS cho cán bộ y tế			
3	Kỹ thuật xây dựng nhà tiêu HVS cho thợ xây tại xã			
4	Mô hình Vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ (CLTS)			
5	Mô hình tiếp thị vệ sinh (SM)			
6	Các mô hình khác			

IV. Kinh phí triển khai thực hiện công tác vệ sinh và giám sát chất lượng nước

4.1. Kinh phí triển khai thực hiện công tác vệ sinh:

4.1.1. Kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương (triệu đồng)

Năm	Vốn Sự nghiệp				Vốn Đầu tư (Xây dựng công trình nước sạch và nhà tiêu HVS trạm y tế)	Tổng
	Dự án 2 (Xây dựng nhà tiêu HVS HGD)	Dự án 3 (Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình)				
		Nâng cao năng lực	Truyền thông	Kiểm tra, giám sát		
2012						
2013						
2014						
2015						
Tổng						

4.1.2. Từ nguồn kinh phí của chương trình, dự án khác (ghi cụ thể, nếu có):

.....

.....

.....

.....

4.2. Kinh phí triển khai thực hiện công tác giám sát chất lượng nước:

Năm	Nguồn ngân sách Trung ương	Nguồn ngân sách địa phương	Từ nguồn kinh phí của chương trình, dự án khác
2012			
2013			
2014			
2015			

V. Kết quả thực hiện vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình nông thôn và Trạm y tế xã

5.1. Nhà tiêu hộ gia đình nông thôn

Năm	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu Hợp vệ sinh (%)	Số lượng nhà tiêu HVS được xây mới/cải tạo trong năm	Số lượng nhà tiêu HVS mẫu được hỗ trợ từ Chương trình NTP 3
2012				
2013				
2014				
2015				
Tổng				

- Nhận xét về tỷ lệ bao phủ nhà tiêu hộ gia đình

.....
.....
.....

- Khó khăn, thuận lợi:

.....
.....
.....

5.2. Cấp nước và vệ sinh trạm y tế xã

Năm	Trạm Y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS		Số Trạm Y tế xã đã được hỗ trợ xây mới/cải tạo công trình cấp nước và vệ sinh từ nguồn vốn của Chương trình NTP từ năm 2012 - 2015
	Số lượng	Tỷ lệ %	
2012			
2013			
2014			
2015			
Tổng			

- Nhận xét về cấp nước và vệ sinh Trạm y tế xã:

.....
.....
.....
.....

- Khó khăn, thuận lợi:

.....
.....
.....
.....

VI. Đánh giá tổ chức điều hành; cơ chế phối hợp và nguồn nhân lực triển khai Hợp phần vệ sinh thuộc Chương trình NTP3:

- Thuận lợi:

.....
.....
.....

- Khó khăn, tồn tại:

.....
.....
.....

- Kiến nghị:

.....

VII. Số liệu chi tiết về tỷ lệ nhà tiêu hộ gia đình cập nhật đến năm 2015

Thông tin chung	Tổng số hộ nông thôn		
	Số hộ có nhà tiêu		
	Tỷ lệ % hộ có nhà tiêu		
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS)		
	Tỷ lệ % hộ có nhà tiêu HVS (số hộ có nhà tiêu HVS/tổng số hộ)		
	Số hộ nghèo có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS)		
	Tỷ lệ % hộ nghèo có nhà tiêu HVS (số hộ nghèo có nhà tiêu HVS/tổng số hộ)		
	Số hộ có nhà tiêu HVS mới được xây dựng, cải tạo trong năm		
Chi tiết một số loại nhà tiêu	Nhà tiêu tự hoại	Tổng số nhà tiêu	
		Số nhà tiêu HVS	
		Tỷ lệ % HVS (số hộ có nhà tiêu tự hoại/tổng số hộ)	
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng, cải tạo trong năm	
	Nhà tiêu thấm dội nước	Tổng số nhà tiêu	
		Số nhà tiêu HVS	
		Tỷ lệ % HVS (số hộ có nhà tiêu thấm dội nước/tổng số hộ)	
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng, cải tạo trong năm	
	Nhà tiêu hai ngăn	Tổng số nhà tiêu	
		Số nhà tiêu HVS	
		Tỷ lệ % HVS (số hộ có nhà tiêu hai ngăn/tổng số hộ)	
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng, cải tạo trong năm	
	Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	Tổng số nhà tiêu	
		Số nhà tiêu HVS	
		Tỷ lệ % HVS (số hộ có nhà tiêu chìm/tổng số hộ)	
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng, cải tạo trong năm	
	Loại khác	Số lượng nhà tiêu	
		Tỷ lệ % (so với tổng số hộ gia đình)	

- Nhận xét về độ bao phủ, công tác kiểm tra và tình trạng vệ sinh nhà tiêu HGD:

.....

- Kiến nghị:

.....
.....
.....
VIII. Kết quả thực hiện kiểm tra giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt giai đoạn 2012 – 2015

8.1. Kết quả kiểm tra vệ sinh của nhà máy nước, cơ sở cấp nước tập trung có công suất thiết kế từ 1000 m³/ngày đêm trở lên (gọi chung là nhà máy nước):

8.1.1. Kết quả kiểm tra vệ sinh

Kết quả kiểm tra vệ sinh của nhà máy nước	2012	2013	2014	2015
Tổng số nhà máy nước trên địa bàn				
Tổng số nhà máy nước được kiểm tra				
Tổng số lượt kiểm tra các nhà máy nước trong năm				
Tổng số lượt kiểm tra vệ sinh không đạt (chiếm tỷ lệ%)				
Tổng số cơ sở kiểm tra vệ sinh có ít nhất 2 lần kiểm tra liên tiếp không đạt				

8.1.2. Kết quả xét nghiệm nước của nhà máy nước, cơ sở cấp nước tập trung có công suất thiết kế từ 1000 m³/ngày đêm trở lên:

Kết quả xét nghiệm nước	2012	2013	2014	2015
Tổng số mẫu nước làm XN				
Tổng số mẫu nước đạt quy chuẩn (Chiếm tỷ lệ...%)				
Tổng số mẫu nước không đạt quy chuẩn				
Số mẫu không đạt về các chỉ tiêu lý, hoá học				
Số mẫu không đạt về các chỉ tiêu vi sinh vật				

8.1.3. Các biện pháp xử lý đối với các nhà máy nước, cơ sở cấp nước không đảm bảo vệ sinh, chất lượng nước:

.....
.....
.....
8.1.4. Thuận lợi, khó khăn khi triển khai kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt

.....
.....
.....
.....

8.1.5. Kiến nghị

.....

.....

.....

8.2. Kết quả kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước của các cơ sở cấp nước tập trung có công suất thiết kế dưới 1000m³/ngày đêm giai đoạn 2012-2015

8.2.1. Kết quả xét nghiệm nước của các cơ sở cấp nước tập trung có công suất thiết kế dưới 1000m³/ngày đêm

Nội dung	2012	2013	2014	2015
Tổng số mẫu nước làm XN				
Tổng số mẫu nước đạt quy chuẩn (Chiếm tỷ lệ...%)				
Tổng số mẫu nước không đạt quy chuẩn				
Số mẫu không đạt về các chỉ tiêu lý, hoá học				
Số mẫu không đạt về các chỉ tiêu vi sinh vật				

Trong đó:

Loại chỉ tiêu xét nghiệm không đạt	Số lượng mẫu nước không đạt					
	Cơ sở cấp nước TT	Giếng đào	Giếng khoan	Máng lán, tự chảy	Bể nước mưa	Loại khác
Năm 2012						
Lý, hoá học						
Vi sinh vật						
Năm 2013						
Lý, hoá học						
Vi sinh vật						
Năm 2014						
Lý, hoá học						
Vi sinh vật						
Năm 2015						
Lý, hoá học						
Vi sinh vật						

8.2.2. Các biện pháp xử lý đối với các nhà máy nước, cơ sở cấp nước không đảm bảo vệ sinh, chất lượng nước:

.....

.....

.....
.....
8.2. Thuận lợi, khó khăn khi triển khai kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt
.....
.....
.....

8.3. Kiến nghị
.....
.....
.....
.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)